

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HS-ST
Ngày: 25-12-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàng

Bà Võ Thị Vân Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Tý, bà Nguyễn Thị Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 20 và 25 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐ-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phan Văn H (Tên gọi khác: T); Sinh ngày: 19/10/1977; Nơi sinh: thị xã S, thành phố Hà Nội; Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã K, thị xã S, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con của ông Phan Văn C và bà Phùng Thị D; Vợ: Trương Thị M, sinh năm 1977; Con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án: Ngày 20/6/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên phạt 08 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/10/2019, đến ngày 25/8/2023, H mới nộp chứng từ bồi thường cho T1 số tiền 7.470.000 đồng nên chưa được xoá án tích; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30/8/2007, bị Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, Hà Nội tuyên phạt 05 năm tù về tội “Chứa mại dâm”, đã được xoá án tích; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/5/2023, chuyển tạm giam kể từ

ngày 29/5/2023 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện T (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Quách Văn C1; Sinh ngày: 17/02/2003; Nơi sinh: thị xã S, thành phố Hà Nội; Nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã X, thị xã S, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Nghề nghiệp; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con của ông Quách Văn T2 (đã chết) và bà Đỗ Thị H1; Vợ, con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/5/2023, chuyển tạm giam kể từ ngày 29/5/2023 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện T (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Hữu P; Sinh ngày: 16/5/1997; Nơi sinh: huyện C - Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 09/12; Con của ông Nguyễn Hữu T3 và bà Nguyễn Thị H2; Vợ, con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 29/8/2022, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương ra Quyết định khởi tố bị can số 257 ngày 02/4/2021 về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Đến ngày 29/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can số 162/QĐ-CSHS về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 4 Điều 174 và khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Ngày 02/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Cáo trạng số 83/CT-VKSBD-P1 truy tố Nguyễn Hữu P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Hiện vụ án chưa được xét xử. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/5/2023, chuyển tạm giam kể từ ngày 29/5/2023 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện T (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. Nguyễn Viết C2; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 17/7/1987; Nơi sinh: thị xã S, Thành phố Hà Nội; Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã X, thị xã S, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con của ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị S; Vợ, con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/5/2023, chuyển tạm giam kể từ ngày 29/5/2023 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện T (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Ngô Thị Ngọc M1, sinh năm: 1984. Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).

- + Bà Đoàn Thị Bé B, sinh năm: 1976. Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Phạm Thị Hồng Đ, sinh năm: 1986. Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Hồ Thị P1, sinh năm: 1953. Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1985. Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Trương Thị Kim T4, sinh năm: 1964. Nơi cư trú: Ấp K, xã N, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Triệu Thị Q, sinh năm: 1966. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).
- + Bà Lê Thị Kiều T5, sinh năm: 1989. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Tạ Thị N1, sinh năm: 1962. Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm: 1988. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).
- + Ông Phan Hoàng S1, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).
- + Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Anh Đặng Công K, sinh năm: 1994. Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).
- + Bà Phạm Ngọc T6, sinh năm: 1981. Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm: 1961. Nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)..
- + Bà Bùi Thị S2, sinh năm: 1962. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Phan Văn M2, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).
- + Bà Võ Thị H3, sinh năm: 1973. Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)..
- + Bà Lê Thị H4, sinh năm: 1984. Nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện M, tỉnh Long An (Có mặt).
- + Bà Nguyễn Thị P2, sinh năm: 1977. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Long An; Nơi cư trú: Quán L tại khu phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- + Ông Trần Văn T7, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).
- + Anh Trần Ngọc H5, sinh năm: 1990. Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Đặng Thị Diễm C3, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).
- + Ông Bùi Văn L1, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: Khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).
- + Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm: 1991. Nơi cư trú: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).
- + Bà Trần Thị Băng T8, sinh năm: 1984. Nơi cư trú: Khu phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).
- + Bà Nguyễn Thị Thanh H6, sinh năm: 1981. Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)..
- + Ông Nguyễn Tấn D1, sinh năm: 1964. Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).
- + Chị Ngô Thị Mỹ T9, sinh năm: 1990. Nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).
- + Bà Phạm Thị Kim T10, sinh năm: 1967. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).
- + Bà Nguyễn Thị Thùy T11, sinh năm: 1974. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).
- + Bà Lưu Thị T12, sinh năm: 1984. Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).
- + Bà Ngô Thị N2, sinh năm: 1986. Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Ông Lê Văn S3, sinh năm: 1967. Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Có mặt).
- + Bà Nguyễn Thị O, sinh năm: 1978. Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)..
- + Bà Nguyễn Thị Tổ N3, sinh năm: 1972. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).
- + Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm: 1976. Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Huỳnh Thị L3, sinh năm: 1984. Nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Phạm Thị L4, sinh năm: 1970. Nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
- + Bà Huỳnh Thị M3, sinh năm: 1972. Nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh

Long An (Có mặt).

+ Ông Huỳnh Văn Q1, sinh năm: 1970. Nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Kim L5, sinh năm: 1964. Nơi cư trú: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị L6, sinh năm: 1958. Nơi cư trú: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Chị Trần Thị K1, sinh năm: 1991. Nơi cư trú: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).

+ Bà Võ Thị Bích L7, sinh năm: 1988. Nơi cư trú: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).

+ Bà Đoàn Thị Mỹ T13, sinh năm: 1972. Nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị T14, sinh năm: 1968. Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).

+ Ông Phan Thanh M4, sinh năm: 1971. Nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Ngọc H7, sinh năm: 1976. Nơi cư trú: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).

+ Bà Huỳnh Thị L8, sinh năm: 1965. Nơi cư trú: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Đặng Thị M5, sinh năm: 1962. Nơi cư trú: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Phước T15, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).

+ Chị Lê Thị N4, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).

+ Bà Lê Thị Kim Á, sinh năm: 1984. Nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).

+ Bà Lê Thị E, sinh năm: 1981. Nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Linh T16, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).

+ Chị Phạm Thị Mỹ X1, sinh năm: 1990. Nơi cư trú: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Chị Huỳnh Thị Mỹ T17, sinh năm: 1991. Nơi cư trú: Khu phố C, phường A, thị xã K, tỉnh Long An (Có mặt).

+ Ông Trần Ngọc C4, sinh năm: 1985. Nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị T14, sinh năm: 1967. Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Thanh T18; Nơi cư trú: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1968; Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).

+ Anh Đỗ Tuấn A, sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Khu phố B, phường A, thị xã K, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối năm 2020, Phan Văn H từ thị xã S, Hà Nội đến địa bàn huyện T, tỉnh Long An mua đất và xây nhà để sinh sống. Hải đăng ký tạm trú tại ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An và hoạt động cho vay tiền trả góp. Sau đó, H thuê Quách Văn C1, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Viết C2 phụ giúp H làm nhiệm vụ thu tiền người vay tiền góp hàng ngày đem về giao lại cho H, H thỏa thuận trả cho C2, P, C1 tiền công từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/người/tháng, C1, P, C2 đồng ý. H phân công C2 thu tiền góp trên địa bàn thị trấn T, tỉnh Long An; Chính thu tiền góp trên địa bàn xã T và xã T, huyện T, tỉnh Long An; P thu tiền góp trên địa bàn xã T, xã N và xã T, huyện T, tỉnh Long An; Riêng H trực tiếp thu tiền trên địa bàn xã T, thị trấn T, huyện T; thị trấn T, huyện T và thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. H cho vay tiền góp bằng hình thức người vay sẽ liên hệ với H qua số điện thoại 0889.396.777 hoặc đến gặp trực tiếp H để thỏa thuận vay tiền, H hoặc P, C2, C1 sẽ đến nhà để đưa tiền trực tiếp cho người vay, nếu người vay mà H biết thì không cần phải thế chấp giấy tờ hay tài sản gì, nếu người lạ mặt thì phải thế chấp giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân (bản chính), thẻ bảo hiểm, giấy đăng ký xe (bản chính), khi cho vay tiền H sẽ thu trước số tiền gốc và lãi trong 02 ngày đầu tiên, sau đó chiều mỗi ngày H và C2, C1, P theo khu vực đã được phân công trước đó sẽ đến nhà từng người đã vay tiền hoặc điếm hẹn để thu tiền gốc và lãi theo thỏa thuận hoặc người vay sẽ chuyển khoản tiền đến số tài khoản 7777719101977 và số tài khoản 68010000752104 ngân hàng B3 của H, số tài khoản 0010103178888 ngân hàng MB của C1; số tài khoản 1111117071987 ngân hàng MB của C2. Khi vay và khi trả tiền mỗi ngày thì không làm hợp đồng, không làm giấy biên nhận. H cho vay tiền theo hình thức vay vừa trả tiền gốc và vừa trả tiền lãi theo ngày, thời hạn trả thấp nhất là 23 ngày, cao nhất là 50 ngày, lãi xuất thấp nhất theo ngày là 0,417%/ngày (12,51%/tháng, 150,12%/năm) cao nhất là 0,667%/ngày (20,1%/tháng, 241,2%/năm). Nếu vay với hình thức trả đủ tiền gốc trong thời hạn 10 ngày, thì trả tiền lãi theo ngày với lãi suất là 02%/ngày

(60%/tháng, 720%/năm). H sử dụng 03 xe mô tô của H gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu FUTURE FI màu xanh, biển số 62U1-157.20, số khung RLHJC7652MY029479, số máy JC90E0136359; 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVE RSX FI, màu trắng-đen, biển số 62U1-154.68, số máy: JA38E0537501, số khung: RLHJA3823KY040375 và xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, màu sơn đen-trắng-bạc, biển số 29U1-475.75, số máy: JA36E1068084, số khung: RLHJA3688NY001423, luân phiên nhau cùng với P, C1, C2 để làm phương tiện đi lại thu tiền gốc và tiền lãi của người vay tiền mỗi ngày.

Qua điều tra xác định được từ cuối năm 2020 đến ngày 20/5/2023, H, P, C1, C2 đã cho 64 người trên địa bàn huyện T, huyện T và huyện T, tỉnh Long An vay tiền. Cụ thể như sau:

Trên địa bàn huyện T, tỉnh Long An gồm 37 người vay tiền, cụ thể:

1. Ngô Thị Ngọc M1, sinh năm 1984; Nơi cư trú: khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do H thu tiền mỗi ngày bằng hình thức chuyển khoản đến số tài khoản 7777719101977 của H, cụ thể:

Tháng 10/2022, vay số tiền 150.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền gốc và lãi 4.500.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 184.500.000 đồng, số tiền lãi là 34.500.000 đồng. M1 đã trả được 18 ngày, với tổng số tiền 81.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 65.853.000 đồng, tiền lãi là 15.146.341 đồng/18 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.485.000 đồng/18 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 13.661.341 đồng.

2. Đoàn Thị Bé B, sinh năm 1976; Nơi cư trú: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 06 lần, do C1 và P thu tiền mỗi ngày đều ghi tên vào tờ giấy, giao Bảy giữ, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 18/11/2021, vay số tiền 20.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền gốc và lãi là 500.000 đồng, trong thời hạn 50 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 25.000.000 đồng, số tiền lãi là 5.000.000 đồng. B đã trả đủ với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 5.000.000 đồng/50 ngày, tương ứng lãi suất 0,5%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 550.000 đồng/50 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H đã cho vay tiền với mức lãi suất gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và thu lợi bất chính số tiền 4.450.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 16/4/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày gốc và lãi 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000, số tiền lãi là 2.300.000 đồng, H có giữ giấy chứng minh nhân dân (bản chính) của B. B đã trả đủ với tổng số tiền là 12.300.000 đồng, trong đó tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 2.300.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01

ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 225.500 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H đã cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại và đã thu lợi bất chính số tiền 2.074.500 đồng.

- Lần 3: Ngày 18/5/2022, vay số tiền 15.000.000 đồng, trả mỗi ngày gốc và lãi số tiền 450.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 18.450.000 đồng, số tiền lãi là 3.450.000 đồng. B đã trả đủ số tiền 18.450.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 15.000.000 đồng, số tiền lãi là 3.450.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 338.250 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H đã cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 3.111.750 đồng.

- Lần 4: Ngày 01/9/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày gốc và lãi số tiền 250.000 đồng, trong thời hạn 48 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.000.000 đồng. B đã trả đủ với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 2.000.000 đồng/48 ngày, tương ứng lãi suất 0,417%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 264.000 đồng/48 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 7,6 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 1.736.000 đồng.

- Lần 5: Ngày 12/10/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày gốc và lãi số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng. B đã trả đủ với tổng số tiền là 12.300.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 2.300.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 225.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 2.074.500 đồng.

- Lần 6: Ngày 22/4/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày gốc và lãi số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng. B đã trả được 23 ngày với tổng số tiền 6.900.000 đồng, tiền gốc 5.619.756 đồng, tiền lãi 1.290.244 đồng/23 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 126.500 đồng/23 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H đã cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 1.163.500 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 14.610.493 đồng.

3. Phạm Thị Hồng Đ, sinh năm 1986, HKTT: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 02 lần, do C2 thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 24/6/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả gốc và lãi số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày. Đang đã trả đủ với tổng số tiền là 12.300.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 225.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 2.074.500 đồng.

- Lần 2: Ngày 15/5/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả gốc và lãi số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng. Đang đã trả được 02 ngày, với tổng số tiền 600.000 đồng, tiền gốc 487.805 đồng, tiền lãi 112.195 đồng/02 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 11.000 đồng/02 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H đã cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 101.195 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính của Đang là: 2.175.695 đồng.

4. Hồ Thị P1, sinh năm 1953, HKTT: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 02 lần, do P và C1 thay phiên nhau đi thu tiền mỗi ngày, có ghi giấy giao Phi cất giữ, cụ thể:

- Lần 1: Vào đầu năm 2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày. P1 đã trả đủ số tiền 12.300.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 225.500 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 2.074.500 đồng.

- Lần 2: Ngày 21/4/2023, vay số tiền 25.000.000 đồng, trả mỗi ngày gốc và lãi số tiền 750.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 30.750.000 đồng, số tiền lãi là 5.750.000 đồng, không cần thế chấp giấy tờ, tài sản. Phi đã trả được 23 ngày, với tổng số tiền là 17.250.000 đồng, tiền gốc là 14.024.390, tiền lãi là 3.225.610 đồng/23 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 316.250 đồng/23 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 2.909.359 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 4.983.859 đồng.

5. Nguyễn Thị N, sinh năm 1985, HKTT: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 02 lần, do P đi thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Tháng 11/2022, vay số tiền 14.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền gốc và lãi là 350.000 đồng, trong thời hạn 50 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 17.500.000 đồng. N đã trả đủ với tổng số tiền là 17.500.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 14.000.000 đồng, số tiền lãi là 3.500.000 đồng/50 ngày, tương ứng lãi suất 0,5%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 385.000 đồng/50 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 3.115.000 đồng.

- Lần 2: Tháng 01/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. N đã trả đủ với tổng số tiền là 12.300.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 225.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 2.074.500 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Nguyễn Thị N là 5.189.500 đồng.

6. Trương Thị Kim T4, sinh năm 1964, HKTT: ấp K, xã N, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 04 lần, do P đi thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng tháng 02/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. T4 đã trả đủ với tổng số tiền là 12.300.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 225.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 2.074.500 đồng.

- Lần 2: Khoảng tháng 3/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. T4 đã trả đủ với tổng số tiền là 12.300.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 225.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 2.074.500 đồng.

- Lần 3: Ngày 03/5/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng. Thoi đã trả được 19 ngày với tổng số tiền là 5.700.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 4.634.134 đồng, tiền lãi là

1.065.854 đồng/19 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 104.500 đồng/19 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 961.353 đồng.

- Lần 4: Ngày 20/5/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng. Thoi đã trả được 02 ngày với tổng số tiền là 600.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 487.805 đồng, tiền lãi là 112.195 đồng/02 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 11.000 đồng/02 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 101.195 đồng

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Trương Thị Kim T4 là 5.211.548 đồng.

7. Triệu Thị Q, sinh năm 1966, HKTT: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 03 lần, do P đi thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Cuối năm 2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng. Q đã trả đủ với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 82.500 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 917.500 đồng.

- Lần 2: Giữa tháng 3/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn là 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. Q đã trả đủ với tổng số tiền là 12.300.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 225.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 2.074.500 đồng.

- Lần 3: Ngày 13/5/2023, vay số tiền 15.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 450.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 18.450.000 đồng, số tiền lãi là 3.450.000 đồng. Quyên đã trả được 07 ngày với tổng số tiền 3.150.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 2.560.976, số tiền lãi là 589.024 đồng/07 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 57.750 đồng/07 ngày, tương ứng lãi suất

0,055%/01 ngày. H đã cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi xuất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền thu lợi bất chính 531.274 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Triệu Thị Q là 3.523.274 đồng.

8. Lê Thị Kiều T5, sinh ngày 06/9/1989, HKTT: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 03 lần, thế giấy Căn cước công dân, do H thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Tháng 01/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. T5 đã trả đủ với tổng số tiền là 12.300.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 225.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 2.074.500 đồng.

- Lần 2: Giữa tháng 4/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng. T5 đã trả được 16 ngày với tổng số tiền là 4.800.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 3.902.439 đồng, số tiền lãi là 897.560/16 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 88.000 đồng/16 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi xuất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 809.560 đồng.

- Lần 3: Giữa tháng 5/2022, vay số tiền 15.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 450.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 18.450.000 đồng, số tiền lãi là 3.450.000 đồng. T5 đã trả được 02 ngày với tổng số tiền là 900.000 đồng, số tiền gốc là 731.707 đồng, số tiền lãi là 168.292 đồng/02 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 16.500 đồng/02 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H đã cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi xuất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền thu lợi bất chính 151.792 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Lê Thị Kiều T5 là 3.035.853 đồng.

9. Tạ Thị N1, sinh năm 1962, HKTT: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 03 lần, do H thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Tháng 12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng. N1 đã trả đủ với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 82.500 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho

vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 917.500 đồng.

- Lần 2: Tháng 3/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. N1 đã trả đủ với tổng số tiền là 12.300.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 225.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 2.074.500 đồng.

- Lần 3: Ngày 08/5/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng. N1 đã trả được 20 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 4.878.049, số tiền lãi 1.121.951/20 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 110.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 1.011.951 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Tạ Thị N1 là 4.003.951 đồng.

10. Nguyễn Văn B2, sinh năm 1988, HKTT: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do P đi thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Ngày 16/4/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày gốc và lãi số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. B2 đã trả được 27 ngày, với tổng số tiền 5.400.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 4.878.049, số tiền lãi 900.000/27 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 74.250 đồng/27 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 825.750 đồng.

11. Phan Hoàng S1, sinh năm 1983, HKTT: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do C2 đi thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Tháng 12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. S1 đã trả được 17 ngày, với tổng số tiền là 3.400.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 2.833.333 đồng, số tiền lãi 566.667 đồng/17 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 46.750 đồng/17 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất

gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 519.916 đồng.

12. Nguyễn Thị X, sinh năm 1983, HKTT: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 02 lần, do H trực tiếp đi thu mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Giữa năm 2021 vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 250.000 đồng, trong thời hạn 50 ngày, thành tổng số tiền phải trả 12.500.000 đồng. Xương đã trả đủ với số tiền 12.500.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.500.000 đồng/50 ngày, tương ứng lãi suất 0,5%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 275.000 đồng/50 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 2.225.000 đồng

- Lần 2: Khoảng tháng 7/2021, vay số tiền 40.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 1.000.000 đồng, trong thời hạn 50 ngày, thành tổng số tiền phải trả 50.000.000 đồng, đã trả đủ 50.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 40.000.000 đồng, số tiền lãi là 10.000.000 đồng/50 ngày, tương ứng lãi suất 0,5%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.100.000 đồng/50 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 8.900.000 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Nguyễn Thị X là 11.125.000 đồng.

13. Đặng Công K, sinh năm 1994, HKTT: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do H thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Khoảng tháng 3/2023, vay số tiền 15.000.000 đồng, mỗi ngày trả gốc và lãi số tiền 450.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 18.450.000 đồng, số tiền lãi là 3.450.000 đồng. K đã trả được 19 ngày, với tổng số tiền 8.550.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 6.951.220 đồng, số tiền lãi là 1.598.780 đồng/19 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 156.750 đồng/19 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H đã cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền thu lợi bất chính 1.442.030 đồng.

14. Phạm Ngọc T6, sinh năm 1981, HKTT: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 04 lần, do P và C1 thay phiên nhau đi thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 17/3/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. Tiềm đã trả đủ với tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của

Bộ luật dân sự là 225.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi xuất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 2.074.500 đồng.

- Lần 2: Ngày 13/4/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. Tiềm đã trả đủ với tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 225.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi xuất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 2.074.500 đồng.

- Lần 3: Ngày 01/5/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng. Tiềm đã trả được 19 ngày với tổng số tiền là 5.700.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 4.633.146 đồng số tiền lãi 1.066.854 đồng/19 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 104.500 đồng/19 ngày, tương ứng lãi xuất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi xuất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 962.353 đồng

- Lần 4: Ngày 12/5/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng. Tiềm đã trả được 09 ngày với tổng số tiền là 2.700.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 2.195.122 đồng số tiền lãi 504.878 đồng/09 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 49.500 đồng/09 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi xuất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 455.378 đồng

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Phạm Ngọc T6 là 5.566.731 đồng.

15. Nguyễn Thị Ú, sinh ngày 01/01/1961, HKTT: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do P đi thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Khoảng 4/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày gốc và lãi số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng. Ú đã trả đủ 30 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng/30 ngày, tương ứng lãi xuất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 82.500 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 917.500 đồng.

16. Bùi Thị S2, sinh ngày 01/01/1962, HKTT: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do P thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Khoảng tháng 4/2023, vay số tiền 2.000.000 đồng, trả mỗi ngày gốc và lãi số tiền 80.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 2.400.000 đồng. S2 đã trả đủ với tổng số tiền là 2.400.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 2.000.000 đồng, số tiền lãi là 400.000 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 33.000 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 367.000 đồng.

17. Phan Văn M2, sinh năm 1982, HKTT: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do H thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Khoảng 4/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả số tiền gốc và lãi là 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng. Mỹ đã trả được 06 ngày với tổng số tiền 1.800.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 1.463.415 đồng, số tiền lãi là 336.585 đồng/06 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 33.000 đồng/06 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 303.585 đồng.

18. Võ Thị H3, sinh năm 1973, HKTT: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 03 lần, do H thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Cuối năm 2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. H3 đã trả đủ với tổng số tiền là 12.300.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 225.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 2.074.500 đồng.

- Lần 2: Ngày 09/5/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng. H3 đã trả được 11 ngày với tổng số tiền là 3.300.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 2.682.927 đồng, số tiền lãi là 617.073 đồng/11 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 60.500 đồng/11 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 556.573 đồng.

- Lần 3: Ngày 15/5/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng. H3 đã trả được 06 ngày với tổng số tiền là 1.800.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 1.463.415 đồng, số tiền lãi là 336.585 đồng/06 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 33.000 đồng/06 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 303.585 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Võ Thị H3 là 2.934.658 đồng.

19. Lê Thị H4, sinh năm 1984, HKTT: Ấp D, xã T, huyện M, tỉnh Long An (ở trọ bán vé số trên địa bàn huyện T, tỉnh Long An), vay tiền của H 03 lần, do H thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng giữa tháng 3/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. H4 đã trả đủ với tổng số tiền là 12.300.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 225.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 2.074.500 đồng.

- Lần 2: Khoảng giữa tháng 4 năm 2023, khi H4 vừa trả hết lần vay thứ nhất, qua ngày sau tại quán P3 (trên đường số C khu phố A, thị trấn T) H tiếp tục cho H4 vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. H4 đã trả đủ với tổng số tiền là 12.300.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 225.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 2.074.500 đồng.

- Lần 3: Ngày 13/5/2023, vay số tiền 20.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 600.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 24.600.000 đồng, số tiền lãi là 4.600.000 đồng. H4 đã trả được 08 ngày với tổng số tiền là 4.800.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 3.902.438 đồng, số tiền lãi là 897.560 đồng/08 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 88.000 đồng/08 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 809.560 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính của H4 là 4.958.560 đồng.

20. Nguyễn Thị P2, sinh năm 1977, HKTT: ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Long An (bán quán Lưu L9 tại khu phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An) vay tiền của H 04 lần, do H thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 07/12/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng. P2 đã trả được 17 ngày với tổng số tiền là 5.100.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 4.146.341 đồng, số tiền lãi là 953.659 đồng/17 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 93.500 đồng/17 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 860.159 đồng.

- Lần 2: Ngày 13/12/2022, vay số tiền 20.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 600.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 24.600.000 đồng, số tiền lãi là 4.600.000 đồng. P2 đã trả được 11 ngày với tổng số tiền là 6.600.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.365.854 đồng, số tiền lãi là 1.234.146 đồng/11 ngày, tương ứng lãi suất 0,488%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 121.000 đồng/11 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 1.113.146 đồng.

- Lần 3: Trong ngày 17/12/2022, vay tiền của H 02 lần tổng cộng số tiền vay là 60.000.000 đồng, mỗi ngày trả số tiền tổng cộng là 1.800.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 73.800.000 đồng, số tiền lãi là 13.800.000 đồng. H thu trước 02 ngày với số tiền 3.600.000 đồng, P2 trả được thêm 05 ngày với số tiền 9.000.000 đồng, tổng số tiền đã trả 07 ngày là 12.600.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.243.903 đồng, số tiền lãi là 2.356.097 đồng/07 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 231.000 đồng/07 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 2.125.098 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Nguyễn Thị P2 là 4.098.402 đồng.

Đến ngày 26/12/2022, do P2 không có khả năng trả nên đã thỏa thuận với H gộp các lần vay lại còn thiếu H số tiền 82.800.000 đồng, mỗi ngày trả số tiền 400.000 đồng, đến khi nào đủ số tiền 82.800.000 đồng và không tính lãi nữa, P2 trả được 29.000.000 đồng (có ngày trả nhiều hơn, có ngày trả ít hơn số tiền 400.000 đồng như thỏa thuận).

21. Trần Văn T7, sinh năm 1987, HKTT: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do H thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Đầu tháng 01/2023, vay số tiền 50.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 1.250.000 đồng, trong thời hạn 50 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 62.500.000

đồng, số tiền lãi là 12.500.000 đồng. T7 đã trả được 12 ngày với tổng số tiền 15.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 12.000.000 đồng, số tiền lãi là 3.000.000 đồng/12 ngày, tương ứng lãi suất 0,5%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 330.000 đồng/12 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 2.670.000 đồng.

22. Trần Ngọc H5, sinh năm 1990, HKTT: khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 02 lần, do H thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 09/10/2020, vay số tiền 80.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi mỗi ngày số tiền 2.400.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 98.400.000 đồng, số tiền lãi là 18.400.000 đồng. H5 đã trả được 04 ngày với số tiền 9.600.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 7.804.897 đồng, số tiền lãi là 1.795.121 đồng/04 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 176.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 1.619.121 đồng.

- Lần 2: Ngày 10/10/2020, vay số tiền 120.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi mỗi ngày số tiền 3.600.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 147.600.000 đồng, số tiền lãi là 27.600.000 đồng. H5 đã trả được 03 ngày với tổng số tiền 10.800.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 8.780.490 đồng, số tiền lãi là 2.019.510 đồng/03 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 198.000 đồng/03 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 1.821.510 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Trần Ngọc Hùng là 3.440.631 đồng.

Sau đó, H5 không còn khả năng chi trả mỗi ngày như thỏa thuận ban đầu, nên H và H5 thỏa thuận thống nhất H5 còn nợ số tiền gốc của hai lần vay là 200.000.000 đồng, H không tính lãi hàng tháng H5 sẽ trả H hàng tháng số tiền 4.000.000 đồng đến khi đủ 200.000.000 đồng. Sau đó, C4 (cha ruột của H5) đã trả được 138.000.000 đồng, còn nợ lại 62.000.000 đồng. Khi thu tiền thì H có viết giấy biên nhận và ký tên T, giao ông C4 giữ. H thấy hoàn cảnh H5 khó khăn nên không thu số tiền 62.000.000 đồng còn lại.

23. Đặng Thị Diễm C3, sinh ngày 15/11/1983, HKTT: khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do H thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Tháng 8/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. Chi đã trả được 20 ngày với tổng số tiền là 4.000.000 đồng, trong

đó số tiền gốc là 3.333.333, số tiền lãi là 666.667/20 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 55.000 đồng/20 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 611.667 đồng.

24. Bùi Văn L1, sinh năm 1987, HKTT: khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 06 lần, do H thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng cuối tháng 02/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng. L1 đã trả đủ với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 82.500 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 917.500 đồng.

- Lần 2: Khoảng tháng 10/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng. L1 đã trả đủ với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 82.500 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 917.500 đồng.

- Lần 3: Khoảng tháng 12/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng. L1 đã trả đủ với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 82.500 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 917.500 đồng.

- Lần 4: Khoảng giữa tháng 02/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng. L1 đã trả đủ với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 82.500 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 917.500 đồng.

- Lần 5: Khoảng đầu tháng 4/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng. L1 đã trả đủ với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 82.500 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 917.500 đồng.

- Lần 6: Khoảng cuối tháng 4/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. Lược đã trả được 23 ngày, với tổng số tiền 4.600.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 3.833.333 đồng, số tiền lãi là 766.667 đồng/23 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 63.250 đồng/23 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 703.417 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Bùi Văn L1 là 5.290.917 đồng.

25. Nguyễn Thị L2, sinh năm 1991, HKTT: ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 02 lần, do H thu tiền mỗi ngày, có ngày H kêu C1 đi thu tiền, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng tháng 10/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. L2 đã trả đủ với tổng số tiền là 12.300.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 225.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 2.074.500 đồng.

- Lần 2: Ngày 24/4/2023, vay số tiền 20.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 600.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 24.600.000 đồng, số tiền lãi là 4.600.000 đồng. L2 đã trả được 24 ngày với tổng số tiền là 14.400.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 11.712.000 đồng, số tiền lãi là 2.692.682 đồng/24 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 264.000 đồng/24 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 2.428.682 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Nguyễn Thị L2 là 4.503.182 đồng.

26. Trần Thị Băng T8, sinh năm 1984, HKTT: khu phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 02 lần, do H thu mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Giữa năm 2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. T8 đã trả được 15 ngày với tổng số tiền là 3.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 2.500.000 đồng, số tiền lãi là 500.000 đồng/15 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 41.250 đồng/15 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 458.750 đồng.

- Lần 2: Khoảng giữa tháng 3/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. T8 đã trả được 06 ngày với tổng số tiền 1.200.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 1.000.000 đồng, số tiền lãi là 200.000 đồng/06 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 16.500 đồng/06 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 183.500 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Trần Thị Băng T8 là 642.250 đồng.

27. Nguyễn Thị Thanh H6, sinh năm 1981, HKTT: khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 04 lần, do H thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng cuối năm 2021, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. H6 đã trả đủ với tổng số tiền là 12.300.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 225.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 4.149.000 đồng.

- Lần 2: Sau khi vừa kết thúc lần vay thứ 1, Đ1 tiếp tục vay số tiền 20.000.000 đồng, trả tiền gốc và lãi mỗi ngày số tiền 600.000 đồng trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 24.600.000 đồng, số tiền lãi là 4.600.000 đồng. Đ1 đã trả được 20 ngày với số tiền 12.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 9.756.098 đồng, tiền lãi là 2.243.902 đồng/20 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 220.000 đồng/20 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 2.023.902 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Nguyễn Thị Đ1 6.172.902 đồng.

Trên địa bàn huyện T, tỉnh Long An gồm 24 người, cụ thể:

1. Huỳnh Thị L3, sinh năm 1984, HKTT: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 04 lần, do C1 thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng cuối năm 2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả gốc và lãi mỗi ngày số tiền 250.000 đồng, trong thời hạn 50 ngày, thành tổng số tiền là 12.500.000 đồng. L3 đã trả đủ số tiền 12.500.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 2.500.000 đồng/50 ngày, tương ứng lãi suất 0,5%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 275.000 đồng/50 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 2.225.000 đồng.

- Lần 2: Sau khi vừa trả hết tiền vay lần thứ nhất, L3 tiếp tục vay số tiền 10.000.000 đồng, trả gốc và lãi mỗi ngày số tiền 250.000 đồng, trong thời hạn 50 ngày, thành tổng số tiền là 12.500.000 đồng. L3 đã trả đủ số tiền 12.500.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 2.500.000 đồng/50 ngày, tương ứng lãi suất 0,5%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 275.000 đồng/50 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 2.225.000 đồng.

- Lần 3: Khoảng cuối tháng 3/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả gốc và lãi mỗi ngày số tiền 250.000 đồng, trong thời hạn 50 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.500.000 đồng. L3 đã trả đủ số tiền 12.500.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 2.500.000 đồng/50 ngày, tương ứng lãi suất 0,5%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 275.000 đồng/50 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 2.225.000 đồng.

- Lần 4: Đến giữa tháng 4/2023, vay số tiền 14.000.000 đồng, trả gốc và lãi mỗi ngày số tiền 350.000 đồng, trong thời hạn 50 ngày thành tổng số tiền phải trả là 17.500.000 đồng, số tiền lãi là 3.500.000 đồng. L3 đã trả được 30 ngày với số tiền 10.500.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 8.400.000 đồng, tiền lãi là 2.100.000 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,5%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 231.000 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 1.869.000 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Huỳnh Thị L3 là 8.544.000 đồng.

2. Phạm Thị L4, sinh năm 1970, HKTT: ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, H trực tiếp thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Khoảng tháng 8/2022, vay số tiền 16.000.000 đồng, trả gốc và lãi mỗi ngày số tiền 500.000 đồng, trong thời hạn 40 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 20.000.000 đồng, số tiền lãi là 4.000.000 đồng. L4 đã trả được 09 ngày, với tổng số tiền 4.500.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 3.600.000 đồng, tiền lãi là 900.000 đồng/09 ngày, tương ứng lãi suất 0,625%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 79.200 đồng/09 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 11 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 820.800 đồng.

3. Huỳnh Thị M3 (L9), sinh năm 1972, HKTT: ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do H và C1 thay phiên thu tiền mỗi ngày:

Khoảng tháng 4/2023, vay số tiền 20.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 500.000 đồng, trong thời hạn 50 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 25.000.000 đồng, số tiền lãi là 5.000.000 đồng. M3 đã trả được 36 ngày, với tổng số tiền 18.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 14.400.000 đồng, số tiền lãi là 3.600.000 đồng/36 ngày, tương ứng lãi suất 0,5%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 396.000 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 3.204.000 đồng.

4. Huỳnh Văn Q1, sinh năm 1970, HKTT: ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do H và C1 thay phiên thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Khoảng tháng 4/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả gốc và lãi số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng. Q1 đã trả đủ với số tiền 12.300.000 đồng, trong đó tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 2.300.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 225.000 đồng/41 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 2.074.500 đồng.

5. Nguyễn Thị Kim L5, sinh năm 1964, HKTT: ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 02 lần, do H, C1, C2 thay phiên nhau thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng tháng 4/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả gốc và lãi mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. L5 đã trả được 21 ngày, với tổng số tiền 4.200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.500.000 đồng, tiền lãi là 700.000 đồng/21 ngày tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 57.750 đồng/21 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 64.225 đồng.

- Lần 2: Tháng 5/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả gốc và lãi mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. L5 đã trả được 16 ngày, với số tiền 3.200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.666.667 đồng, tiền lãi là 533.333 đồng/16 ngày tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 44.000 đồng/16 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 489.333 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Nguyễn Thị Kim L5 là 1.131.583 đồng.

6. Nguyễn Thị L6, sinh năm 1958, HKTT: ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do H, C1, C2 thay phiên nhau thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Khoảng tháng 5/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả gốc và lãi mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng. L6 đã trả được 15 ngày, với tổng số tiền 4.500.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.658.537 đồng, tiền lãi là 841.463 đồng/15 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 82.500 đồng/15 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền 758.963 đồng.

7. Trần Thị K1, sinh năm 1991, HKTT: ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 02 lần, do H, C1, C2 thay phiên nhau thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng tháng 4/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả gốc và lãi mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. K1 đã trả đủ số tiền 6.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 82.500 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 917.500 đồng.

- Lần 2: Tháng 5/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả gốc và lãi mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. K1 đã trả được 26 ngày, với tổng số tiền 5.200.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 4.333.333 đồng, số tiền lãi là 866.667 đồng/26 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 71.500 đồng/26 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 795.167 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Trần Thị K1 là 1.712.667 đồng.

8. Võ Thị Bích L7, sinh năm 1988, HKTT: ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 02 lần, do H, C1, C2 thay phiên nhau thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng tháng 4/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả gốc và lãi mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. L7 đã trả đủ số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 82.500 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 917.500 đồng.

- Lần 2: Tháng 5/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả gốc và lãi mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng. L7 đã trả được 16 ngày, với tổng số tiền 4.800.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 3.902.439 đồng, số tiền lãi là 897.560 đồng/16 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 88.000 đồng/16 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 809.560 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Võ Thị Bích L7 là 1.727.060 đồng.

9. Đoàn Thị Mỹ T13, sinh năm 1972, HKTT: khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do H, C1, C2 thay phiên nhau thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Khoảng tháng 4/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả gốc và lãi mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 40 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.000.000 đồng. T13 đã trả đủ số tiền là 12.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.000.000 đồng/40 ngày, tương ứng lãi suất 0,5%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 220.000 đồng/40 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 1.780.000 đồng.

10. Nguyễn Thị T14, sinh năm 1968, HKTT: khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do H, C1, C2 thay phiên nhau thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Khoảng cuối tháng 4/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả gốc và lãi mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. T14 đã trả được 23 ngày, với tổng số tiền 4.600.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 3.833.333 đồng, số tiền lãi là 766.667 đồng/23 ngày, tương ứng lãi suất 0,645%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 63.250 đồng/23 ngày, tương

ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 11,7 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 703.417 đồng.

11. Phan Thanh M4, sinh năm 1971, HKTT: khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 02 lần, do H, C1, C2 thay phiên nhau thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng giữa tháng 4/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả gốc và lãi mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. M4 đã trả đủ số tiền 6.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 82.500 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 917.500 đồng.

- Lần 2: Cuối tháng 4/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. M4 đã trả được 09 ngày, với số tiền 1.800.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 1.500.000 đồng, số tiền lãi là 300.000 đồng/09 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 24.750 đồng/09 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 275.250 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Phan Thanh M4 là 1.192.750 đồng.

12. Nguyễn Ngọc H7, sinh năm 1976, HKTT: ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 02 lần, do H, C1, C2 thay phiên nhau thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng tháng 4/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả gốc và lãi mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. H7 đã trả đủ số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 82.500 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 917.500 đồng.

- Lần 2: Đầu tháng 5/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. H7 đã trả được 25 ngày, với tổng số tiền 5.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 4.166.667 đồng, số tiền lãi là 833.333 đồng/25 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 68.750 đồng/25 ngày, tương

ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 764.583 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Nguyễn Ngọc H7 là 1.682.083 đồng.

13. Huỳnh Thị L8, sinh năm 1965, HKTT: ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 02 lần, do H, C1, C2 thay phiên nhau thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng cuối tháng 4/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 40 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.000.000 đồng. L8 đã trả đủ 40 ngày, với số tiền 12.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.000.000 đồng/40 ngày, tương ứng lãi suất 0,5%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 220.000 đồng/40 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 1.780.000 đồng.

- Lần 2: Sau khi vừa kết thúc lần vay thứ nhất, L8 tiếp tục vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày 300.000 đồng, trong thời hạn 40 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.000.000 đồng. L8 đã trả được 20 ngày, với tổng số tiền 6.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng/20 ngày, tương ứng lãi suất 0,5%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 110.000 đồng/20 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 890.000 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Huỳnh Thị L8 là 2.670.000 đồng.

14. Đặng Thị M5, sinh năm 1962, HKTT: ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 03 lần, do H, C1, C2 thay phiên nhau thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng tháng 3/2023, vay số tiền 2.000.000 đồng, mỗi ngày trả số tiền 100.000 đồng, trong 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 3.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. M5 đã trả đủ số tiền 3.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 2.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 1,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 33.000 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 30 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 967.000 đồng.

- Lần 2: Khoảng tháng 3/2023, vay số tiền 2.000.000 đồng, mỗi ngày trả số tiền 100.000 đồng, trong 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 3.000.000 đồng. M5 đã trả đủ số tiền 3.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 2.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 1,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 33.000 đồng/30 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất

gấp 30 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 967.000 đồng.

- Lần 3: Khoảng đầu tháng 5/2023, vay số tiền 3.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 150.000 đồng, trong thời hạn 23 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 3.450.000 đồng, số tiền lãi là 450.000 đồng. M5 đã trả được 11 ngày, với tổng số tiền 1.650.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 1.434.783 đồng, số tiền lãi là 215.217 đồng/11 ngày, tương ứng lãi suất 0,65%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 18.150 đồng/11 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 197.067 đồng

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Đặng Thị M5 là 2.131.067 đồng.

15. Nguyễn Phước T15, sinh năm 1983, HKTT: ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do H, C1, C2 thay phiên nhau thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Đầu tháng 5/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. T15 đã trả được 25 ngày, với tổng số tiền 5.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 4.166.667 đồng, số tiền lãi là 833.333 đồng/25 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 68.750 đồng/25 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 764.583 đồng.

16. Lê Thị N4, sinh năm 1992, HKTT: khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 02 lần, do H thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Đầu tháng 5/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng. N4 đã trả được 20 ngày, với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 4.878.049 đồng, số tiền lãi là 1.121.951 đồng/20 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 110.000 đồng/20 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 1.011.951 đồng.

- Lần 2: Khoảng 10 ngày sau khi vay lần vay thứ nhất, N4 tiếp tục vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. N4 đã trả được 05 ngày, với số tiền 1.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 833.333 đồng, số tiền lãi là 166.667 đồng/05 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 13.750 đồng/05 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất

gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 152.917 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Lê Thị N4 là 1.164.868 đồng.

17. Lê Thị Kim Á, sinh năm 1984, HKTT: khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do H thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Khoảng đầu tháng 5/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. Á đã trả được 17 ngày, với tổng số tiền 3.400.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 2.833.333 đồng, số tiền lãi là 566.667 đồng/17 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 46.750 đồng/17 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 519.917 đồng.

18. Lê Thị E, sinh năm 1981, HKTT: khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, vay của H 01 lần, do H thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Khoảng cuối tháng 4/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. E đã trả được 25 ngày, với tổng số tiền 5.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 4.166.667 đồng, số tiền lãi là 833.333 đồng/25 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 68.750 đồng/25 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 764.583 đồng.

19. Chú H8 (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể), bán cơm ở khu vực chợ T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do H thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Khoảng tháng 4/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, trả gốc và lãi mỗi ngày 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền là 12.300.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng. H8 đã trả được 15 ngày, với tổng số tiền 4.500.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 3.658.537 đồng, số tiền lãi là 841.463 đồng/15 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 82.500 đồng/15 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 758.963 đồng.

20. Chị L10 (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể), có chồng (không rõ nhân thân, lai lịch) làm xà lang ở khu vực chợ T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do H thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Khoảng tháng 4/2023, vay 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000.

Lan đã trả được 06 ngày, với tổng số tiền 1.200.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 1.000.000 đồng, số tiền lãi là 200.000 đồng/06 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 16.500 đồng/06 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 183.500 đồng.

21. Chị L11 (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể) bán rau ở khu vực chợ T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do H thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Khoảng tháng 4/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000. L11 trả được 06 ngày, với tổng số tiền 1.200.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 1.000.000 đồng, số tiền lãi là 200.000 đồng/06 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 16.500 đồng/06 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 183.500 đồng.

22. Chị S4 (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể) bán vé số ở khu vực chợ T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do H thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Khoảng tháng 5/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền là 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000. Chị S4 đã trả được 23 ngày, với tổng số tiền 4.600.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 3.833.333 đồng, số tiền lãi là 766.667 đồng/23 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 63.250 đồng/23 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 703.417 đồng.

23. Chị T19 (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể) bán nước ở khu vực chợ T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do C1 thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Cuối tháng 4/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, trả gốc và lãi mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, thành tổng số tiền phải trả 6.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. Đã trả được 26 ngày với tổng số tiền 5.200.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 4.333.333 đồng, số tiền lãi là 866.667 đồng/26 ngày, tương ứng lãi suất 0,667%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 71.500 đồng/26 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 795.167 đồng.

24. Chị T20 (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể) ở gần khu vực Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần, do C1 thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

Khoảng cuối tháng 4/2023, vay số tiền 4.000.000 đồng, trả gốc và lãi mỗi ngày số tiền 200.000 đồng, trong thời hạn 23 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 4.600.000 đồng, số tiền lãi là 600.000 đồng. T20 đã trả đủ số tiền 4.600.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 4.000.000 đồng, số tiền lãi là 600.000 đồng/23 ngày, tương ứng lãi suất 0,65%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 50.600 đồng/23 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 549.400 đồng.

Trên địa bàn huyện T, tỉnh Long An, gồm 03 người vay tiền của H, cụ thể:

1. Nguyễn Thị Linh T16, sinh năm 1992, HKTT: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An vay tiền của H 03 lần, do H thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 14/4/2023, vay số tiền 40.000.000 đồng, trả gốc và lãi mỗi ngày số tiền 1.200.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 49.200.000 đồng, số tiền lãi là 9.200.000 đồng. T16 đã trả được 34 ngày với tổng số tiền 40.800.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 30.770.732 đồng, số tiền lãi là 7.629.268 đồng/34 ngày, tương ứng lãi suất 0,76%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 748.000 đồng/34 ngày, tương ứng lãi suất 0,61%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 6.881.268 đồng.

- Lần 2: Ngày 29/4/2023, vay số tiền 40.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày với số tiền 800.000 đồng, trong thời hạn 10 ngày phải trả hết tiền gốc 40.000.000 đồng, đã thu trước tiền lãi trong 10 ngày là 8.000.000 đồng. Đến ngày 08/5/2023, T16 không trả được tiền gốc nên tiếp tục trả số tiền lãi 8.000.000 đồng cho 10 ngày tiếp theo. Đến ngày 17/5/2023, T16 không trả được số tiền gốc, nên tiếp tục trả số tiền lãi là 4.000.000 đồng cho 05 ngày tiếp theo. T16 chưa trả số tiền gốc 40.000.000 đồng nhưng đã trả tổng số tiền lãi là 20.000.000/25 ngày, tương ứng lãi suất 02%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 550.000 đồng/25 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 36 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 19.450.000 đồng.

- Lần 3: Ngày 14/5/2023, vay số tiền 40.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 1.200.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 49.200.000 đồng, số tiền lãi là 9.200.000 đồng. T16 đã trả được 08 ngày với tổng số tiền 9.600.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 7.804.897 đồng, số tiền lãi là 1.795.121 đồng/08 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức

lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 176.000 đồng/08 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 1.619.121 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Nguyễn Thị Linh T16 là 27.950.389 đồng

2. Phạm Thị Mỹ X1, sinh năm 1990, HKTT: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 01 lần:

Ngày 29/4/2023, vay số tiền 25.000.000 đồng, trả mỗi ngày số tiền 750.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 30.750.000 đồng, số tiền lãi là 5.750.000 đồng. H giữ giấy phép lái xe hạng A1 mang Nguyễn Thanh T18 (chồng của X1) và giấy khai sinh tên Nguyễn Quốc T21 (con của X1). X1 đã trả được 13 ngày với tổng số tiền 9.750.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 7.917.830 đồng, số tiền lãi là 1.823.170 đồng/13 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 178.750 đồng/13 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 1.644.420 đồng.

3. Nguyễn Thị Kim C5, sinh năm 1979, HKTT: ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An, vay tiền của H 02 lần, H giữ giấy căn cước công dân bản chính của C5, do H thu tiền mỗi ngày, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 29/4/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả gốc và lãi số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng, số tiền lãi là 2.300.000 đồng. C5 đã trả được 23 ngày, với tổng số tiền 6.900.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.609.757 đồng, số tiền lãi là 1.290.243 đồng/23 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 126.500 đồng/23 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 1.163.743 đồng.

- Lần 2: Ngày 13/5/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả gốc và lãi số tiền 300.000 đồng, trong thời hạn 41 ngày, thành tổng số tiền phải trả là 12.300.000 đồng. C5 đã trả được 09 ngày, với tổng số tiền là 2.700.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 2.195.122 đồng, số tiền lãi là 504.878 đồng/09 ngày, tương ứng lãi suất 0,561%/01 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 49.500 đồng/09 ngày, tương ứng lãi suất 0,055%/01 ngày. H cho vay tiền với mức lãi suất gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định và đã thu lợi bất chính số tiền là 455.378 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ Nguyễn Thị Kim C5 là 1.619.121 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 29/CT-VKSTT, ngày 14/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo Phan Văn H, Quách Văn C1, Nguyễn Hữu P,

Nguyễn Viết C2 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo đồng thời phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố các bị cáo Phan Văn H, Quách Văn C1, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Viết C2 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Về hình phạt chính:

1/ Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Đề xuất xử phạt bị cáo Phan Văn H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

2/ Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Đề xuất xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

3/ Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Đề xuất xử phạt bị cáo Quách Văn C1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

4/ Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Đề xuất xử phạt bị cáo Nguyễn Viết C2 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

- Về các biện pháp tư pháp:

* Đề nghị buộc bị cáo Phan Văn H hoàn trả lại cho 58 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính tổng cộng là 219,949,119 đồng. Cụ thể hoàn trả cho từng người như sau: Ngô Thị Ngọc M1: 13.661.341 đồng; Đoàn Thị Bé B: 14.610.494 đồng; Phạm Thị Hồng Đ: 2.175.695 đồng; Hồ Thị P1: 4.983.859 đồng; Nguyễn Thị N: 5.189.500 đồng; Trương Thị Kim T4: 5.211.549 đồng; Triệu Thị Q: 3.523.274 đồng; Lê Thị Kiều T5: 3.035.852 đồng; Tạ Thị N1: 4.003.951 đồng; Nguyễn Văn B2: 825.750; Phan Hoàng S1: 519.917 đồng; Nguyễn Thị X: 11.125.000 đồng; Đặng Công K: 1.442.030 đồng; Phạm Ngọc T6: 5.565.732 đồng; Nguyễn Thị Ú: 917.500 đồng; Bùi Thị S2: 367.000 đồng; Phan Văn M2: 303.585 đồng; Võ Thị H3: 2.934.658 đồng; Lê Thị H4: 4.958.560 đồng; Nguyễn Thị P2: 4.098.402 đồng; Trần Văn T7: 2.670.000 đồng; Trần Ngọc H5: 3.440.634 đồng; Đặng Thị Diễm C3: 611.667 đồng; Bùi Văn L1: 5.290.917 đồng; Nguyễn Thị L2: 4.503.182; Trần Thị Băng T8: 642.250 đồng; Nguyễn Thị Thanh H6: 7.336.646 đồng; Nguyễn Tấn D1: 1.720.317 đồng; Ngô Thị Mỹ T9: 11.460.348 đồng; Phạm

Thị Kim T10: 1.467.329 đồng; Nguyễn Thị Thùy T11: 2.523.492 đồng; Lưu Thị T12: 5.138.500 đồng; Ngô Thị N2: 1.209.833 đồng; Lê Văn S3: 4.351.390 đồng; Nguyễn Thị O: 2.841.500 đồng; Nguyễn Thị Tố N3: 4,553,780 đồng; Nguyễn Thị Đ1: 6.172.902 đồng; Huỳnh Thị L3: 8.544.000 đồng; Phạm Thị L4: 820.800 đồng; Huỳnh Thị M3: 3.204.000 đồng; Huỳnh Văn Q1: 2.074.500 đồng; Nguyễn Thị Kim L5: 1.131.583 đồng; Nguyễn Thị L6: 758.963 đồng; Trần Thị K1: 1.712.667 đồng; Võ Thị Bích L7: 1.727.060 đồng; Đoàn Thị Mỹ T13: 1.780.000 đồng; Nguyễn Thị T14: 703.417 đồng; Phan Thanh M4: 1.192.750 đồng; Nguyễn Ngọc H7: 1.682.083 đồng; Huỳnh Thị L8: 2.670.000 đồng; Đặng Thị M5: 2.131.067 đồng; Nguyễn Phước T15: 764.583 đồng; Lê Thị N4: 1.164.868 đồng; Lê Thị Kim Á: 519.917 đồng; Lê Thị E: 764.583 đồng; Nguyễn Thị Linh T16: 27.950.390 đồng; Phạm Thị Mỹ X1: 1.644.420 đồng; Nguyễn Thị Kim C5: 1.619.121 đồng.

* Đối với số tiền lãi H thu được vượt quá mức lãi 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự của 06 người vay tiền tại địa bàn huyện T nhưng không xác minh được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở buộc H hoàn trả lại cho người vay số tiền đã thu lợi bất chính vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định. Do đó, cần buộc bị cáo H nộp lại số tiền thu lợi bất chính tổng cộng là 3.173.947 đồng. Cụ thể là tiền bị cáo H thu được từ chú H8 (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể) số tiền là 758.963 đồng; Chị L10 (có chồng làm nghề xà lan, không rõ nhân thân, lai lịch), số tiền là 183.500 đồng; Chị L10 (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể) số tiền là 183.500 đồng; Chị S4 (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể) số tiền là 703.417 đồng; Chị T19 (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể) số tiền là 795.167 đồng; Chị T20 (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể) số tiền là 549.400 đồng.

* Đề nghị buộc bị cáo Phan Văn H nộp lại số tiền lãi thu được tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự để tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước, đây là số tiền bị cáo sử dụng để làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội tổng cộng là 22,595,100.00 đồng. Cụ thể bị cáo thu được của từng người như sau: Ngô Thị Ngọc M1: 1.485.000 đồng; Đoàn Thị Bé B: 1.729.750 đồng; Phạm Hồng Đ: 236.000 đồng; Hồ Thị P1: 541.750 đồng; Nguyễn Thị N: 610.500 đồng; Trương Thị Kim T4: 565.500 đồng; Triệu Thị Q: 365.750 đồng; Lê Thị Kiều T5: 330.000 đồng; Tạ Thị N1: 418.000 đồng; Nguyễn Văn B2: 74.250 đồng; Phan Hoàng S1: 46.750 đồng; Nguyễn Thị X: 1.375.000 đồng; Đặng Công K: 156.750 đồng; Phạm Ngọc T6: 605.000 đồng; Nguyễn Thị Ú: 82.500 đồng; Bùi Thị S2: 33.000 đồng; Phan Văn M2: 33.000 đồng; Võ Thị H3: 319.000 đồng; Lê Thị H4: 539.000 đồng; Nguyễn Thị P2: 445.500 đồng; Trần Văn T7: 330.000 đồng; Trần Ngọc H5: 374.000 đồng; Đặng Thị Diễm C3: 55.000 đồng; Bùi Văn L1: 475.750 đồng; Nguyễn Thị L2: 489.000 đồng; Trần Thị Băng T8: 57.750 đồng; Nguyễn Thị Thanh H6: 797.500 đồng; Nguyễn Tấn D1: 187.000 đồng; Ngô Thị Mỹ T9:

1.245.750 đồng; Phạm Thị Kim T10: 159.500 đồng; Nguyễn Thị Thùy T11: 268.400 đồng; Lưu Thị T12: 511.500 đồng; Ngô Thị N2: 93.500 đồng; Lê Văn S3: 473.000 đồng; Nguyễn Thị O: 258.500 đồng; Nguyễn Thị Tố N3: 494.000 đồng; Nguyễn Thị Đ1: 671.000 đồng; Huỳnh Thị L3: 1.056.000 đồng; Phạm Thị L4: 79.200 đồng; Huỳnh Thị M3: 396.000 đồng; Huỳnh Văn Q1: 225.500 đồng; Nguyễn Thị Kim L5: 101.750 đồng; Nguyễn Thị L6: 82.500 đồng; Trần Thị K1: 154.000 đồng; Võ Thị Bích L7: 170.500 đồng; Đoàn Thị Mỹ T13: 220.000 đồng; Nguyễn Thị T14: 63.250 đồng; Phan Thanh M4: 107.250 đồng; Nguyễn Ngọc H7: 151.250 đồng; Huỳnh Thị L8: 330.000 đồng; Đặng Thị M5: 84.150 đồng; Nguyễn Phước T15: 68.750 đồng; Lê Thị N4: 123.750 đồng; Lê Thị Kim Á: 46.750 đồng; Lê Thị E: 68.750 đồng; Nguyễn Thị Linh T16: 1.474.000 đồng; Phạm Thị Mỹ X: 178.750 đồng; Nguyễn Thị Kim C5: 176.000 đồng.

* Đề nghị buộc bị cáo Phan Văn H giao nộp tổng cộng 1,151,231,834 đồng tiền gốc cho vay (người vay đã trả cho bị cáo), để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước do đây là số tiền bị cáo sử dụng làm công cụ để thực hiện hành vi phạm tội nhưng được trừ vào số tiền bị cáo H đã trả cho các bị cáo Quách Văn C1, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Viết C2 190.000.000đ. Số tiền bị cáo H còn phải nộp là 961,231,834 đồng.

* Đề nghị buộc 03 bị cáo Quách Văn C1, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Viết C2 giao nộp tổng cộng 190.000.000 đồng tiền công do bị cáo Phan Văn H trả cho 03 bị cáo hàng tháng, để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước do đây là số tiền 03 bị cáo có được từ việc thực hiện hành vi phạm tội. Cụ thể từng người như sau: Quách Văn C1: 79.000.000 đồng; Nguyễn Hữu P: 30.000.000 đồng; Nguyễn Viết C2: 81.000.000 đồng.

* Đề nghị buộc 52 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giao nộp số tiền nợ gốc chưa trả hết cho bị cáo Phan Văn H, để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước do đây là số tiền bị cáo sử dụng để làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội. Cụ thể từng người như sau: Ngô Thị Ngọc M1: 84.146.000 đồng; Đoàn Thị Bé B: 4.390.000 đồng; Phạm Hồng Đ: 9.390.000 đồng; Hồ Thị P1: 10.975.609 đồng; Trương Thị Kim T4: 14.878.195 đồng; Triệu Thị Q: 12.439.024 đồng; Lê Thị Kiều T5: 20.365.854 đồng; Tạ Thị N1: 5.121.951 đồng; Nguyễn Văn B2: 500.000 đồng; Phan Hoàng S1: 2.166.667 đồng; Đặng Công K: 8.049.000 đồng; Phạm Ngọc T6: 13.170.731 đồng; Phan Văn M2: 8.536.585 đồng; Võ Thị H3: 15.853.658 đồng; Lê Thị H4: 16.097.562 đồng; Nguyễn Thị P2: 41.082.926 đồng; Trần Văn T7: 38.000.000 đồng; Trần Ngọc H5: 45.414.616 đồng; Đặng Thị Diễm C3: 1.666.667 đồng; Bùi Văn L1: 1.166.667 đồng; Nguyễn Thị L2: 8.288.000 đồng; Trần Thị Băng T8: 6.500.000 đồng; Nguyễn Thị Thanh H6: 4.634.146; Nguyễn Tấn D1: 21.707.316 đồng; Ngô Thị Mỹ T9: 24.756.097 đồng; Nguyễn Thị Thùy T11: 3.891.891 đồng; Lưu Thị T12: 1.750.000 đồng; Ngô Thị N2: 4.503.333 đồng; Lê

Văn S3: 9.024.390 đồng; Nguyễn Thị O: 26.600.000 đồng; Nguyễn Thị Tô N3: 16.097.561 đồng; Nguyễn Thị Đ1: 10.243.902 đồng; Huỳnh Thị L3: 5.600.000 đồng; Phạm Thị L4: 12.400.000 đồng; Huỳnh Thị M3: 5.600.000 đồng; Nguyễn Thị Kim L5: 3.833.333; Nguyễn Thị L6: 6.341.463 đồng; Trần Thị K1: 666.667 đồng; Võ Thị Bích L7: 6.097.561 đồng; Nguyễn Thị T14: 1.166.667 đồng; Phan Thanh M4: 3.500.000 đồng; Nguyễn Ngọc H7: 833.333 đồng; Huỳnh Thị L8: 5.000.000 đồng; Đặng Thị M5: 1.565.217 đồng; Nguyễn Phước T15: 833.333 đồng; Lê Thị N4: 9.288.618 đồng; Lê Thị Kim Á: 2.166.667 đồng; Lê Thị E: 833.333 đồng; Nguyễn Thị Linh T16 79.024.390 đồng; Phạm Thị Mỹ X: 17.073.170 đồng; Nguyễn Thị Kim C5: 12.195.122 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX FI, số máy: JA38E0537501, Số khung: RLHJA3823KY040375, màu sơn: đen xám, biển số 62U1-154.68;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, số máy: JA36E1068084, Số khung: RLHJA3688NY001423, màu sơn: đen trắng bạc, biển số 29U1-475.75;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE FI, số máy: JC90E0136359, Số khung: RLHJC7652MY029479, màu sơn: xanh nâu đen, biển số 62U1-157.20;

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 màu trắng, Imei: 359001973844769, số sim: 0889396777;

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xám, Imei 1: 355380254826693, Imei 2: 355380254850610, số sim: 0975001977;

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs màu xanh, Imei: 356826118093713, số sim: 0857412295;

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, gắn sim: 0961540865, khóa màn hình không kiểm tra được Imei;

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno8 T5G, màu đen, số Imei1: 865858061060336, số Imei2: 865858061060328, số sim 1: 0986115142, số sim 2: 0902281652;

- Về hình phạt bổ sung: đại diện Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa: Bà Lê Thị H4, ông Huỳnh Văn Q1, ông Lê Văn S3 yêu cầu bị cáo Phan Văn H trả lại căn cước công dân và yêu cầu xử lý các bị cáo cũng như giải quyết về số tiền vay, tiền lãi theo quy định của pháp luật. Bà Huỳnh Thị M3 yêu cầu xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H và yêu cầu giải quyết về số tiền vay, tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo thừa nhận hành “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Cáo trạng của Viện kiểm sát và luận tội của Viện kiểm sát.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được triệu tập đến phiên tòa chỉ có mặt bà Lê Thị H4, ông Lê Văn S3, bà Huỳnh Thị M3, ông Huỳnh Văn Q1, chị Huỳnh Thị Mỹ T17, còn lại đều vắng mặt. Trong đó, có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Đồng thời, hồ sơ vụ án đã thể hiện đầy đủ lời khai của những người vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Phan Văn H, Quách Văn C1, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Viết C1 khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định được: Khoảng cuối năm 2020, Phan Văn H từ thị xã S, Thành phố Hà Nội đến địa bàn huyện T, tỉnh Long An để sinh sống tại ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An và hoạt động cho vay tiền trả góp. Sau đó, H thuê Quách Văn C1, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Viết C2 phụ giúp H làm nhiệm vụ thu tiền người vay tiền góp hàng ngày đem tiền về giao lại cho H, H thỏa thuận trả cho C1, P, C2 tiền công từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/người/tháng, C1, P, C2 đồng ý. H phân công C2 thu tiền góp trên địa bàn thị trấn T, tỉnh Long An; C1 thu tiền góp trên địa bàn xã T và xã T, huyện T, tỉnh Long An; P thu tiền góp trên địa bàn xã T,

xã N và xã T, huyện T, tỉnh Long An; Riêng H trực tiếp thu tiền trên địa bàn xã T, thị trấn T, huyện T; thị trấn T, huyện T và thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2020 đến ngày 20/5/2023, H đã cho 64 người vay tiền 130 lần, bằng hình thức người vay vừa trả góp tiền gốc và tiền lãi theo ngày dựa trên số tiền vay, thời hạn trả thấp nhất là 10 ngày và cao nhất 50 ngày, lãi suất thấp nhất theo ngày là 0,417% ngày (tương ứng mức lãi suất 12,51% tháng; 150,1%/năm) và cao nhất là 1.667% ngày (tương ứng mức lãi suất 50,1% tháng, 601,2%/năm). Nếu người vay tiền vay với hình thức trả đủ tiền gốc trong thời hạn 10 ngày, thì phải trả tiền lãi theo ngày với lãi suất là 02%/ngày (60%/tháng, 720%/năm). H cho vay tiền với mức lãi suất gấp từ 07 lần đến 36 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 0,055%/ngày (tương ứng mức lãi suất 1,66%/tháng, 20%/năm) và đã thu lợi bất chính với tổng số tiền là 223.123.066 đồng.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Phan Văn H, Quách Văn C1, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Viết C2 có đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Số tiền bị cáo Phan Văn H thu lợi bất chính trên 100.000.000 đồng nên tội phạm và hình phạt đối với bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An truy tố bị cáo với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tội phạm các bị cáo đã thực hiện gây nguy hiểm cho xã hội, tội phạm không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà còn làm cho người vay lâm vào tình trạng khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi nên các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung loại tội phạm này trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của từng bị cáo khi đồng phạm và nhân thân của từng bị cáo.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo có sự điều khiển, chỉ huy từ người tổ chức là bị cáo Phan Văn H, có sự phân công cấu kết chặt chẽ trước trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội. Cụ thể H phân công C2 thu tiền góp trên địa bàn thị trấn T, tỉnh Long An; C1 thu tiền góp trên địa bàn xã T và xã T, huyện T, tỉnh Long An; P thu tiền góp trên địa bàn xã T, xã N và xã T, huyện T, tỉnh Long An; Riêng H trực tiếp

thu tiền trên địa bàn xã T, thị trấn T, huyện T; thị trấn T, huyện T và thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Sau khi thu tiền góp đem về giao cho H, mỗi tháng nhận tiền công từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội “Có tổ chức”. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Riêng đối với bị cáo Phan Văn H, H có một tiền án, ngày 20/6/2012, bị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên phạt 08 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/10/2019. Đến năm 2020, 2021, 2022 H bắt đầu cho vay lãi nặng. Căn cứ Điều 70 Bộ Luật hình sự, H chưa được xóa án tích. Do đó, H thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”, đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Quách Văn C1, Nguyễn Viết C2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Phan Văn H bị bệnh tim và bệnh thận, trong thời gian bị tạm giam nhiều lần phải nhập viện cấp cứu nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

[7] Về nhân thân:

[7.1] Bị cáo Phan Văn H có nhân thân xấu: H có 01 tiền án: Ngày 20/6/2012, bị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên phạt 08 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/10/2019, chưa được xóa án tích; Về nhân thân: Ngày 30/8/2007, bị Toà án nhân dân thị xã, Hà Nội tuyên phạt 05 năm tù về tội “Chứa mại dâm”, đã được xóa án tích.

[7.2] Bị cáo Nguyễn Hữu P có nhân thân xấu: Ngày 29/8/2022, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương ra Quyết định khởi tố bị can số 257 ngày 02/4/2021 về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Ngày 29/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương ra Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can số 162/QĐ-CSHS về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 4 Điều 174 và khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Đến ngày 02/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Cáo trạng số 83/CT-VKSBD-P1 truy tố bị can Nguyễn Hữu P ra trước Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương để xét xử về các hành vi phạm tội trên. Hiện vụ án chưa được xét xử.

[7.3] Bị cáo Quách Văn C1, Nguyễn Viết C2 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[8] Về vị trí, vai trò của từng bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội:

[8.1] Bị cáo Phan Văn H là người trực tiếp bỏ tiền ra cho người khác vay tiền với mức lãi nặng vượt quá 05 lần mức lãi suất pháp luật quy định, là người rủ rê và thuê Quách Văn C1, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Viết C2 phụ giúp H thu tiền người vay tiền góp hàng ngày. H với vai trò là người chủ mưu, cầm đầu và là người trực tiếp thực hành nên cần quyết định hình phạt đối với bị cáo H cao hơn các bị cáo Quách Văn C1, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Viết C2.

[8.2] Bị cáo Nguyễn Hữu P biết rõ Phan Văn H cho người khác vay tiền với lãi nặng nhưng khi được H rủ rê và thuê làm nhiệm vụ thu tiền người vay tiền góp hàng ngày đem về giao lại cho H thì P không biết khuyên ngăn mà đồng ý cùng thực hiện hành vi giúp sức cho H, với vai trò là người giúp sức tích cực. Bị cáo còn có nhân thân xấu nên cần quyết định hình phạt đối với bị cáo P thấp hơn bị cáo H nhưng cao hơn bị cáo Quách Văn C1, Nguyễn Viết C2.

[8.3] Bị cáo Quách Văn C1, Nguyễn Viết C2, biết rõ Phan Văn H cho người khác vay tiền với lãi nặng nhưng khi được H rủ rê và thuê làm nhiệm vụ thu tiền người vay tiền góp hàng ngày đem về giao lại cho H thì C1, C2 không biết khuyên ngăn mà đồng ý cùng thực hiện hành vi giúp sức cho H, với vai trò là người giúp sức tích cực. Tuy nhiên, cả 02 bị cáo C1, C2 có nhân thân tốt nên cần quyết định hình phạt đối với C1 bị cáo ngang với bị cáo C2 nhưng thấp hơn bị cáo Phan Văn H, Nguyễn Hữu P.

[9] Xét thấy hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương nên cần thiết phải cách ly 04 bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội. Đồng thời cũng góp phần răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[10] Từ những phân tích trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng căn cứ pháp luật, về hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11] Các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam để đảm bảo công tác điều tra, truy tố và xét xử từ tháng 5/2023 cho đến nay. Cần áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[12] Về hình phạt bổ sung: theo quy định khoản 3 điều 201 BLHS, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo H sử dụng tiền vay mượn từ người thân trong gia đình để cho vay lãi nặng, bị cáo H cũng không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định; đối với các bị cáo Quách Văn C1, Nguyễn Viết C2, Nguyễn Hữu P không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[13] Về các biện pháp tư pháp:

[13.1] Đối với số tiền gốc (vốn):

Bị cáo Phan Văn H cho vay tổng cộng là 1.838.000.000đ. Đây là số tiền bị cáo sử dụng để làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Trong đó, số tiền gốc mà bị cáo H đã cho vay, người vay đã trả cho bị cáo H số tiền là 1.151.231.834 đồng, bị cáo H đã sử dụng trả lương cho các bị cáo P, C1, C2 190.000.000 đồng, cần buộc các bị cáo P, C1, C2 nộp số tiền 190.000.000 đồng, H phải nộp số tiền 961.231.834 đồng. Số tiền gốc mà những người vay chưa trả chưa trả hết cho bị cáo Phan Văn H tổng cộng là 686.768.166 đồng, cần buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giao nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, chỉ có 52 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án rõ địa chỉ nên cần buộc những người này phải nộp lại tiền để sung ngân sách nhà nước. Cụ thể từng người phải giao nộp lại số tiền gốc như sau:

[13.1.1] Bị cáo Phan Văn H phải nộp số tiền 961.231.834 đồng.

[13.1.1] Đối với các bị cáo Quách Văn C1, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Viết C2 làm thuê cho bị cáo H và đã được H trả lương tổng cộng 190.000.000 đồng, cụ thể Quách Văn C1: 79.000.000 đồng; Nguyễn Hữu P: 30.000.000 đồng Nguyễn Viết C2: 81.000.000 đồng. Đây là số tiền các bị cáo thu lợi bất chính mà có nên cần buộc các bị cáo C1, P, C2 giao nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể: Quách Văn C1 phải nộp 79.000.000 đồng; Nguyễn Hữu P phải nộp 30.000.000 đồng; Nguyễn Viết C2 phải nộp 81.000.000 đồng.

[13.1.2] Cụ thể từng người vay phải giao nộp lại số tiền gốc chưa trả như sau:

- 1/ Ngô Thị Ngọc M1: 84.146.341 đồng.
- 2/ Đoàn Thị Bé B: 4.390.000 đồng.
- 3/ Phạm Hồng Đ: 9.512.195 đồng.
- 4/ Hồ Thị P1: 10.975.609 đồng.
- 5/ Trương Thị Kim T4: 14.878.048 đồng.
- 6/ Triệu Thị Q: 12.439.024 đồng.
- 7/ Lê Thị Kiều T5: 20.365.854 đồng.
- 8/ Tạ Thị N1: 5.121.951 đồng.
- 9/ Nguyễn Văn B2: 500.000 đồng.
- 10/ Phan Hoàng S1: 2.166.667 đồng.
- 11/ Đặng Công K: 8.049.780 đồng.
- 12/ Phạm Ngọc T6: 13.170.731 đồng.
- 13/ Phan Văn M2: 8.536.585 đồng.
- 14/ Võ Thị H3: 15.853.658 đồng.
- 15/ Lê Thị H4: 16.097.562 đồng.
- 16/ Nguyễn Thị P2: 41.243.902 đồng.
- 17/ Trần Văn T7: 38.000.000 đồng.

- 18/ Trần Ngọc H5: 45.414.634 đồng.
- 19/ Đặng Thị Diễm C3: 1.666.667 đồng.
- 20/ Bùi Văn L1: 1.166.667 đồng.
- 21/ Nguyễn Thị L2: 8.292.682 đồng.
- 22/ Trần Thị Băng T8: 6.500.000 đồng.
- 23/ Nguyễn Thị Thanh H6: 4.634.146.
- 24/ Nguyễn Tấn D1: 21.707.317 đồng.
- 25/ Ngô Thị Mỹ T9: 24.756.097 đồng.
- 26/ Phạm Thị Kim T10: 12.926.829 đồng.
- 27/ Nguyễn Thị Thùy T11: 3.891.891 đồng.
- 28/ Lưu Thị T12: 1.750.000 đồng.
- 29/ Ngô Thị N2: 4.503.333 đồng.
- 30/ Lê Văn S3: 9.024.390 đồng.
- 31/ Nguyễn Thị O: 26.600.000 đồng.
- 32/ Nguyễn Thị Tố N3: 8.048.780 đồng.
- 33/ Nguyễn Thị Đ1: 10.243.902 đồng.
- 34/ Huỳnh Thị L3: 5.600.000 đồng.
- 35/ Phạm Thị L4: 12.400.000 đồng.
- 36/ Huỳnh Thị M3: 5.600.000 đồng.
- 37/ Nguyễn Thị Kim L5: 3.833.333.
- 38/ Nguyễn Thị L6: 6.341.463 đồng.
- 39/ Trần Thị K1: 666.667 đồng.
- 40/ Võ Thị Bích L7: 6.097.561 đồng.
- 41/ Nguyễn Thị T14: 1.166.667 đồng.
- 42/ Phan Thanh M4: 3.500.000 đồng.
- 43/ Nguyễn Ngọc H7: 833.333 đồng.
- 44/ Huỳnh Thị L8: 5.000.000 đồng.
- 45/ Đặng Thị M5: 1.565.217 đồng.
- 46/ Nguyễn Phước T15: 833.333 đồng.
- 47/ Lê Thị N4: 9.288.617 đồng.
- 48/ Lê Thị Kim Á: 2.166.666 đồng.
- 49/ Lê Thị E: 833.333 đồng.
- 50/ Nguyễn Thị Linh T16 79.024.390 đồng.
- 51/ Phạm Thị Mỹ X: 17.073.170 đồng.
- 52/ Nguyễn Thị Kim C5: 12.195.122 đồng.

[13.2] Đối với số tiền lãi mà bị cáo Phan Văn H thu được tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự: Đây là số tiền do H thực hiện hành vi phạm tội mà có nên cần tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước, tổng cộng là 22.595.100 đồng, cụ thể bị cáo thu được của từng người như sau:

- 1/ Ngô Thị Ngọc M1: 1.485.000 đồng.
- 2/ Đoàn Thị Bé B: 1.729.750 đồng.
- 3/ Phạm Hồng Đ: 236.000 đồng.
- 4/ Hồ Thị P1: 541.750 đồng.
- 5/ Nguyễn Thị N: 610.500 đồng.
- 6/ Trương Thị Kim T4: 565.500 đồng.
- 7/ Triệu Thị Q: 365.750 đồng.
- 8/ Lê Thị Kiều T5: 330.000 đồng.
- 9/ Tạ Thị N1: 418.000 đồng.
- 10/ Nguyễn Văn B2: 74.250 đồng.
- 11/ Phan Hoàng S1: 46.750 đồng.
- 12/ Nguyễn Thị X: 1.375.000 đồng.
- 13/ Đặng Công K: 156.750 đồng.
- 14/ Phạm Ngọc T6: 605.000 đồng.
- 15/ Nguyễn Thị Ú: 82.500 đồng.
- 16/ Bùi Thị S2: 33.000 đồng.
- 17/ Phan Văn M2: 33.000 đồng.
- 18/ Võ Thị H3: 319.000 đồng.
- 19/ Lê Thị H4: 539.000 đồng.
- 20/ Nguyễn Thị P2: 445.500 đồng.
- 21/ Trần Văn T7: 330.000 đồng.
- 22/ Trần Ngọc H5: 374.000 đồng.
- 23/ Đặng Thị Diễm C3: 55.000 đồng.
- 24/ Bùi Văn L1: 475.750 đồng.
- 25/ Nguyễn Thị L2: 489.000 đồng.
- 26/ Trần Thị Băng T8: 57.750 đồng.
- 27/ Nguyễn Thị Thanh H6: 797.500 đồng.
- 28/ Nguyễn Tấn D1: 187.000 đồng.
- 29/ Ngô Thị Mỹ T9: 1.245.750 đồng.
- 30/ Phạm Thị Kim T10: 159.500 đồng.
- 31/ Nguyễn Thị Thùy T11: 268.400 đồng.
- 32/ Lưu Thị T12: 511.500 đồng.
- 33/ Ngô Thị N2: 93.500 đồng.
- 34/ Lê Văn S3: 473.000 đồng.
- 35/ Nguyễn Thị O: 258.500 đồng.
- 36/ Nguyễn Thị Tố N3: 495.000 đồng.
- 37/ Nguyễn Thị Đ1: 671.000 đồng.
- 38/ Huỳnh Thị L3: 1.056.000 đồng.
- 39/ Phạm Thị L4: 79.200 đồng.

- 40/ Huỳnh Thị M3: 396.000 đồng.
- 41/ Huỳnh Văn Q1: 225.500 đồng.
- 42/ Nguyễn Thị Kim L5: 101.750 đồng.
- 43/ Nguyễn Thị L6: 82.500 đồng.
- 44/ Trần Thị K1: 154.000 đồng.
- 45/ Võ Thị Bích L7: 170.500 đồng.
- 46/ Đoàn Thị Mỹ T13: 220.000 đồng.
- 47/ Nguyễn Thị T14: 63.250 đồng.
- 48/ Phan Thanh M4: 107.250 đồng.
- 49/ Nguyễn Ngọc H7: 151.250 đồng.
- 50/ Huỳnh Thị L8: 330.000 đồng.
- 51/ Đặng Thị M5: 84.150 đồng.
- 52/ Nguyễn Phước T15: 68.750 đồng.
- 53/ Lê Thị N4: 123.750 đồng.
- 54/ Lê Thị Kim Á: 46.750 đồng.
- 55/ Lê Thị E: 68.750 đồng.
- 56/ Nguyễn Thị Linh T16: 1.474.000 đồng.
- 57/ Phạm Thị Mỹ X1: 178.750 đồng.
- 58/ Nguyễn Thị Kim C5: 176.000 đồng.
- 59/ Chú H8: 82.500 đồng
- 60/ Chị L10 (chồng làm xà lan): 16.500 đồng
- 61/ Chị L11 16.500 đồng
- 62/ Chị S4: 63.250 đồng
- 63/ Chị T19: 71.500 đồng
- 64/ Chị T20: 50.600 đồng.

[13.3] Đối với các phần thu lợi của bị cáo từ 21% trở lên trong giao dịch dân sự, mặc dù do các bên có sự thỏa thuận nhưng việc thỏa thuận trái quy định, các khoản thu lợi này đã vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 20%/năm. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, áp dụng Điều 468 của Bộ luật dân sự, cần tuyên buộc bị cáo Phan Văn H phải trả lại cho người vay số tiền vượt mức quy định, cụ thể trả cho những người sau đây:

- 1/ Ngô Thị Ngọc M1: 13.661.341 đồng.
- 2/ Đoàn Thị Bé B: 14.610.494 đồng.
- 3/ Phạm Thị Hồng Đ: 2.175.695 đồng.
- 4/ Hồ Thị P1: 4.983.860 đồng.
- 5/ Nguyễn Thị N: 5.189.500 đồng.
- 6/ Trương Thị Kim T4: 5.211.549 đồng.
- 7/ Triệu Thị Q: 3.523.274 đồng.

- 8/ Lê Thị Kiều T5: 3.035.854 đồng.
- 9/ Tạ Thị N1: 4.003.951 đồng.
- 10/ Nguyễn Văn B1: 825.750.
- 11/ Phan Hoàng S1: 519.917 đồng.
- 12/ Nguyễn Thị X: 11.125.000 đồng.
- 13/ Đặng Công K: 1.442.030 đồng.
- 14/ Phạm Ngọc T6: 5.566.732 đồng.
- 15/ Nguyễn Thị Ú: 917.500 đồng.
- 16/ Bùi Thị S2: 367.000 đồng.
- 17/ Phan Văn M2: 303.585 đồng.
- 18/ Võ Thị H3: 2.934.659 đồng.
- 19/ Lê Thị H4: 4.958.561 đồng.
- 20/ Nguyễn Thị P2: 4.098.402 đồng.
- 21/ Trần Văn T7: 2.670.000 đồng.
- 22/ Trần Ngọc H5: 3.440.634 đồng.
- 23/ Đặng Thị Diễm C3: 611.667 đồng.
- 24/ Bùi Văn L1: 5.290.917 đồng.
- 25/ Nguyễn Thị L2: 4.503.183.
- 26/ Trần Thị Băng T8: 642.250 đồng.
- 27/ Nguyễn Thị Thanh H6: 7.336.646 đồng.
- 28/ Nguyễn Tấn D1: 1.720.317 đồng.
- 29/ Ngô Thị Mỹ T9: 11.460.348 đồng.
- 30/ Phạm Thị Kim T10: 1.467.329 đồng.
- 31/ Nguyễn Thị Thùy T11: 2.523.482 đồng.
- 32/ Lưu Thị T12: 5.138.500 đồng.
- 33/ Ngô Thị N2: 1.039.833 đồng.
- 34/ Lê Văn S3: 4.351.390 đồng.
- 35/ Nguyễn Thị O: 2.841.500 đồng.
- 36/ Nguyễn Thị Tô N3: 4.553.780 đồng.
- 37/ Nguyễn Thị Đ1: 6.172.902 đồng.
- 38/ Huỳnh Thị L3: 8.544.000 đồng.
- 39/ Phạm Thị L4: 820.800 đồng.
- 40/ Huỳnh Thị M3: 3.204.000 đồng.
- 41/ Huỳnh Văn Q1: 2.074.500 đồng.
- 42/ Nguyễn Thị Kim L5: 1.106.583 đồng.
- 43/ Nguyễn Thị L6: 758.963 đồng.
- 44/ Trần Thị K1: 1.712.667 đồng.
- 45/ Võ Thị Bích L7: 1.727.061 đồng.
- 46/ Đoàn Thị Mỹ T13: 1.780.000 đồng.

- 47/ Nguyễn Thị T14: 703.417 đồng.
- 48/ Phan Thanh M4: 1.192.750 đồng.
- 49/ Nguyễn Ngọc H7: 1.682.083 đồng.
- 50/ Huỳnh Thị L8: 2.670.000 đồng.
- 51/ Đặng Thị M5: 2.131.067 đồng.
- 52/ Nguyễn Phước T15: 764.583 đồng.
- 53/ Lê Thị N4: 1.164.868 đồng.
- 54/ Lê Thị Kim Á: 519.917 đồng.
- 55/ Lê Thị E: 764.583 đồng.
- 56/ Nguyễn Thị Linh T16: 27.950.390 đồng.
- 57/ Phạm Thị Mỹ X1: 1.644.421 đồng.
- 58/ Nguyễn Thị Kim C5: 1.619.122 đồng.

Tổng cộng số tiền H phải trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính là 219,949,119đ (Hai trăm mười chín triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn một trăm mười chín đồng).

[13.4] Đối với số tiền lãi vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định mà bị cáo Phan Văn H đã thu của 06 người vay tiền tại địa bàn huyện T nhưng không xác minh được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở buộc H hoàn trả lại cho người vay số tiền đã thu lợi bất chính vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định. Cụ thể H đã thu của: Chú H8 số tiền là 758.963 đồng; Chị L10, có chồng làm nghề xà lan số tiền là 183.500 đồng; Chị L11 (khác) số tiền là 183.500 đồng; Chị S4 số tiền là 703.417 đồng; Chị T19 số tiền là 795.167 đồng; Chị T20 số tiền là 549.400 đồng. Tổng cộng số tiền lãi thu được của 06 người vay không rõ nhân thân lai lịch là 3.173.947 đồng. Cần buộc bị cáo H nộp lại số tiền thu lợi bất chính tổng cộng là 3.173.947 đồng của 06 người vay không rõ nhân thân lai lịch để để tịch thu sung nộp Ngân sách Nhà nước.

[13.5] Như vậy, tổng cộng số tiền H phải nộp là: tiền gốc đã được người vay trả sau khi đã trừ tiền thuê C1, P, C2 là 961.231.384 đồng + tiền lãi trong giới hạn Luật cho phép là 22.595.100 đồng + số tiền lãi thu vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định của những người không rõ địa chỉ là 3.173.947 đồng. Tổng cộng là 987.000.880 đồng (Chín trăm tám mươi bảy triệu tám trăm tám mươi đồng).

[14] Về vật chứng trong vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX FI, số máy: JA38E0537501, Số khung: RLHJA3823KY040375, màu sơn: đen xám, biển số 62U1-154.68, đã qua sử dụng, do Đỗ Tuấn A, sinh năm: 1990, HKTT: Khu phố B, phường A, thị xã K, tỉnh Long An đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Vào ngày 12/01/2022, A đã bán xe mô tô trên cho Phan Văn H chỉ viết giấy tay, chưa làm thủ tục sang tên chủ sở hữu. Bị cáo H sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, số máy: JA36E1068084, Số khung: RLHJA3688NY001423, màu sơn: đen trắng bạc, biển số 29U1-475.75, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của bị cáo Phan Văn H, do bị cáo H đứng trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Bị cáo H sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE FI, số máy: JC90E0136359, Số khung: RLHJC7652MY029479, màu sơn: xanh nâu đen, biển số 62U1-157.20, đã qua sử dụng, do Huỳnh Thị Mỹ T17, sinh năm: 1991, HKTT: Khu phố C, phường A, thị xã K, tỉnh Long An ứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Vào năm 2023, T17 đã bán xe mô tô trên cho bị cáo Phan Văn H nhưng chưa làm thủ tục sang tên chủ sở hữu. Bị cáo H sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 màu trắng, Imei: 359001973844769, số sim: 0889396777 là tài sản hợp pháp của bị can H. Bị cáo H sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xám, Imei 1: 355380254826693, Imei 2: 355380254850610, số sim: 0975001977 là tài sản hợp pháp của bị cáo H. Bị cáo H sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone Xs màu xanh, Imei: 356826118093713, số sim: 0857412295 là tài sản hợp pháp của bị cáo Quách Văn C1. Bị cáo C1 sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, gấn sim: 0961540865, khóa màn hình không kiểm tra được Imei, hình nền hình bị cáo P, là tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hữu P. Bị cáo P sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno8 T5G, màu đen, số Imei1: 865858061060336, số Imei2: 865858061060328, số sim 1: 0986115142, số sim 2: 0902281652 là tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Viết C2. Bị cáo C2 sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước;

Hiện các vật chứng trên đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân huyện T.

[15] Về các vấn đề khác có liên quan: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa là bà Lê Thị H4 yêu cầu bị cáo H trả lại căn cước công dân của bà và chồng của bà ông Nguyễn Văn D2; ông Huỳnh Văn Q1 yêu cầu bị cáo trả lại căn cước công dân của ông; ông Lê Văn S3 yêu cầu trả căn cước công dân của vợ ông là bà Nguyễn Thị G; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa nhưng hồ sơ vụ án đã có văn bản trình bày ý kiến thể hiện yêu cầu bị cáo trả lại các giấy tờ đã đưa cho bị cáo để thế chấp vay tiền,

như ông Nguyễn Tấn D1 yêu cầu trả lại Giấy chứng nhận bảo hiểm nhân thọ; Giấy phép lái xe của Nguyễn Thanh T18 là chồng của bà Phạm Thị Mỹ X1, Giấy khai sinh con của X1; Căn cước công dân của Nguyễn Thị Thanh H6; Giấy phép lái xe của Trần Thị Băng T8; Chứng nhận đăng ký xe của Ngô Thị Ngọc M1; Căn cước công dân của cha và mẹ của ông Bùi Văn L1; Căn cước công dân của Lê Thị Kiều T5, Đoàn Thị Bé B, Ngô Thị Mỹ T9, Nguyễn Thị Kim C5...Tuy nhiên, qua điều tra bị cáo H khai đã làm mất tất cả các giấy tờ của người vay tiền, không xác định được địa điểm mất ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T cũng đã tiến hành khám xét nơi ở của bị cáo H và tiến hành truy tìm nhưng không tìm được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được. Do đó, hiện nay những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (đã đưa các giấy tờ để thế chấp cho bị cáo H khi vay tiền) có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để cấp lại giấy tờ cá nhân theo quy định của pháp luật.

[16] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phan Văn H, Quách Văn C1, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Viết C2 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt chính:

2.1. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Văn H 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày tạm giữ (21/5/2023).

2.2. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P 01 năm 06 tháng tù Thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày tạm giữ (21/5/2023).

2.3. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Quách Văn C1 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày tạm giữ (21/5/2023).

2.4. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết C2 từ 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày tạm giữ (21/5/2023)

3. Về tạm giam sau phiên tòa: Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự; Tiếp tục tạm giam các bị cáo 45 (Bốn mươi lăm ngày) kể từ ngày tuyên án (25/12/2023) để đảm bảo thi hành án.

4. Về biện pháp tư pháp:

4.1. Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ Luật hình sự, Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự;

Buộc bị cáo Phan Văn H phải nộp tịch thu sung Ngân sách Nhà nước các khoản tiền: tiền sử dụng làm phương tiện phạm tội (tiền gốc đã được người vay trả sau khi đã trừ tiền thuê C1, P, C2) là 961.231.384 đồng + tiền do phạm tội mà có (tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự) là 22.595.100 đồng + số tiền lãi thu vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định của những người không rõ địa chỉ là 3.173.947 đồng. Tổng cộng là 987.000.880 đ (Chín trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi đồng).

4.2. Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ Luật hình sự, Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự;

Buộc bị cáo Quách Văn C1 phải nộp số tiền 79.000.000 đ (Bảy mươi chín triệu đồng); Nguyễn Hữu P phải nộp số tiền 30.000.000 đ (Ba mươi triệu đồng); Nguyễn Viết C2 nộp số tiền 81.000.000 đ (Tám mươi một triệu đồng) để tịch thu sung ngân sách nhà nước.

4.3. Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ Luật hình sự, Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 468 Bộ Luật dân sự;

Buộc bị cáo Phan Văn H có nghĩa vụ trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền lãi trả vượt mức quy định, cụ thể trả cho các ông, bà sau đây:

- 1/ Ngô Thị Ngọc M1: 13.661.341 đồng.
- 2/ Đoàn Thị Bé B: 14.610.494 đồng.
- 3/ Phạm Thị Hồng Đ: 2.175.695 đồng.
- 4/ Hồ Thị P1: 4.983.860 đồng.
- 5/ Nguyễn Thị N: 5.189.500 đồng.
- 6/ Trương Thị Kim T4: 5.211.549 đồng.
- 7/ Triệu Thị Q: 3.523.274 đồng.
- 8/ Lê Thị Kiều T5: 3.035.854 đồng.
- 9/ Tạ Thị N1: 4.003.951 đồng.
- 10/ Nguyễn Văn B2: 825.750.
- 11/ Phan Hoàng S1: 519.917 đồng.
- 12/ Nguyễn Thị X: 11.125.000 đồng.
- 13/ Đặng Công K: 1.442.030 đồng.
- 14/ Phạm Ngọc T6: 5.565.732 đồng.
- 15/ Nguyễn Thị Ú: 917.500 đồng.

- 16/ Bùi Thị S2: 367.000 đồng.
- 17/ Phan Văn M2: 303.585 đồng.
- 18/ Võ Thị H3: 2.934.659 đồng.
- 19/ Lê Thị H4: 4.958.561 đồng.
- 20/ Nguyễn Thị P2: 4.098.402 đồng.
- 21/ Trần Văn T7: 2.670.000 đồng.
- 22/ Trần Ngọc H5: 3.440.634 đồng.
- 23/ Đặng Thị Diễm C3: 611.667 đồng.
- 24/ Bùi Văn L1: 5.290.917 đồng.
- 25/ Nguyễn Thị L2: 4.503.183.
- 26/ Trần Thị Băng T8: 642.250 đồng.
- 27/ Nguyễn Thị Thanh H6: 7.336.646 đồng.
- 28/ Nguyễn Tấn D1: 1.720.317 đồng.
- 29/ Ngô Thị Mỹ T9: 11.460.348 đồng.
- 30/ Phạm Thị Kim T10: 1.467.329 đồng.
- 31/ Nguyễn Thị Thùy T11: 2.523.492 đồng.
- 32/ Lưu Thị T12: 5.138.500 đồng.
- 33/ Ngô Thị N2: 1.209.833 đồng.
- 34/ Lê Văn S3: 4.351.390 đồng.
- 35/ Nguyễn Thị O: 2.841.500 đồng.
- 36/ Nguyễn Thị Tố N3: 4,553,780 đồng.
- 37/ Nguyễn Thị Đ1: 6.172.902 đồng.
- 38/ Huỳnh Thị L3: 8.544.000 đồng.
- 39/ Phạm Thị L4: 820.800 đồng.
- 40/ Huỳnh Thị M3: 3.204.000 đồng.
- 41/ Huỳnh Văn Q1: 2.074.500 đồng.
- 42/ Nguyễn Thị Kim L5: 1.131.583 đồng.
- 43/ Nguyễn Thị L6: 758.963 đồng.
- 44/ Trần Thị K1: 1.712.667 đồng.
- 45/ Võ Thị Bích L7: 1.727.061 đồng.
- 46/ Đoàn Thị Mỹ T13: 1.780.000 đồng.
- 47/ Nguyễn Thị T14: 703.417 đồng.
- 48/ Phan Thanh M4: 1.192.750 đồng.
- 49/ Nguyễn Ngọc H7: 1.682.083 đồng.
- 50/ Huỳnh Thị L8: 2.670.000 đồng.
- 51/ Đặng Thị M5: 2.131.067 đồng.
- 52/ Nguyễn Phước T15: 764.583 đồng.
- 53/ Lê Thị N4: 1.164.868 đồng.
- 54/ Lê Thị Kim Á: 519.917 đồng.

55/ Lê Thị E: 764.583 đồng.

56/ Nguyễn Thị Linh T16: 27.950.390 đồng.

57/ Phạm Thị Mỹ X1: 1.644.421 đồng.

58/ Nguyễn Thị Kim C5: 1.619.122 đồng.

Tổng cộng số tiền H phải trả lại cho tất cả những người vay là 219.949.119đ (Hai trăm mười chín triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn một trăm mười chín đồng).

4.4. Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ Luật hình sự, Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự;

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại tiền vay gốc chưa trả đủ cho bị cáo H (phương tiện phạm tội của bị cáo H) để tịch thu sung ngân sách nhà nước. Cụ thể những người phải nộp tiền và số tiền phải nộp như sau:

1/ Ngô Thị Ngọc M1: 84.146.341 đồng.

2/ Đoàn Thị Bé B: 4.390.000 đồng.

3/ Phạm Hồng Đ: 9.512.195 đồng.

4/ Hồ Thị P1: 10.975.609 đồng.

5/ Trương Thị Kim T4: 14.878.048 đồng.

6/ Triệu Thị Q: 12.439.024 đồng.

7/ Lê Thị Kiều T5: 20.365.854 đồng.

8/ Tạ Thị N1: 5.121.951 đồng.

9/ Nguyễn Văn B2: 500.000 đồng.

10/ Phan Hoàng S1: 2.166.667 đồng.

11/ Đặng Công K: 8.049.780 đồng.

12/ Phạm Ngọc T6: 13.170.731 đồng.

13/ Phan Văn M2: 8.536.585 đồng.

14/ Võ Thị H3: 15.853.658 đồng.

15/ Lê Thị H4: 16.097.562 đồng.

16/ Nguyễn Thị P2: 41.243.902 đồng.

17/ Trần Văn T7: 38.000.000 đồng.

18/ Trần Ngọc H5: 45.414.634 đồng.

19/ Đặng Thị Diễm C3: 1.666.667 đồng.

20/ Bùi Văn L1: 1.166.667 đồng.

21/ Nguyễn Thị L2: 8.292.682 đồng.

22/ Trần Thị Băng T8: 6.500.000 đồng.

23/ Nguyễn Thị Thanh H6: 4.634.146.

24/ Nguyễn Tấn D1: 21.707.317 đồng.

25/ Ngô Thị Mỹ T9: 24.756.097 đồng.

26/ Phạm Thị Kim T10: 12.926.829 đồng.

27/ Nguyễn Thị Thùy T11: 3.891.891 đồng.

- 28/ Lưu Thị T12: 1.750.000 đồng.
- 29/ Ngô Thị N2: 4.503.333 đồng.
- 30/ Lê Văn S3: 9.024.390 đồng.
- 31/ Nguyễn Thị O: 26.600.000 đồng.
- 32/ Nguyễn Thị Tố N3: 8.048.780 đồng.
- 33/ Nguyễn Thị Đ1: 10.243.902 đồng.
- 34/ Huỳnh Thị L3: 5.600.000 đồng.
- 35/ Phạm Thị L4: 12.400.000 đồng.
- 36/ Huỳnh Thị M3: 5.600.000 đồng.
- 37/ Nguyễn Thị Kim L5: 3.833.333.
- 38/ Nguyễn Thị L6: 6.341.463 đồng.
- 39/ Trần Thị K1: 666.667 đồng.
- 40/ Võ Thị Bích L7: 6.097.561 đồng.
- 41/ Nguyễn Thị T14: 1.166.667 đồng.
- 42/ Phan Thanh M4: 3.500.000 đồng.
- 43/ Nguyễn Ngọc H7: 833.333 đồng.
- 44/ Huỳnh Thị L8: 5.000.000 đồng.
- 45/ Đặng Thị M5: 1.565.217 đồng.
- 46/ Nguyễn Phước T15: 833.333 đồng.
- 47/ Lê Thị N4: 9.288.617 đồng.
- 48/ Lê Thị Kim Á: 2.166.666 đồng.
- 49/ Lê Thị E: 833.333 đồng.
- 50/ Nguyễn Thị Linh T16: 79.024.390 đồng.
- 51/ Phạm Thị Mỹ X1: 17.073.170 đồng.
- 52/ Nguyễn Thị Kim C5: 12.195.122 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ Luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu phương tiện các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể như sau:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX FI, số máy: JA38E0537501, Số khung: RLHJA3823KY040375, màu sơn: đen xám, biển số 62U1-154.68, đã qua sử dụng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, số máy: JA36E1068084, Số khung: RLHJA3688NY001423, màu sơn: đen trắng bạc, biển số 29U1-475.75, đã qua sử dụng do bị cáo H đứng trên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE FI, số máy: JC90E0136359, Số khung: RLHJC7652MY029479, màu sơn: xanh nâu đen, biển số 62U1-157.20, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 màu trắng, Imei: 359001973844769, số sim: 0889396777.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xám, Imei 1: 355380254826693, Imei 2: 355380254850610, số sim: 0975001977 .

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone Xs màu xanh, Imei: 356826118093713, số sim: 0857412295;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, gấn sim: 0961540865;

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno8 T5G, màu đen, số Imei1: 865858061060336, số Imei2: 865858061060328, số sim 1: 0986115142, số sim 2: 0902281652;

Hiện các vật chứng trên đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân huyện T.

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Phan Văn H, Quách Văn C1, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Viết C2 mỗi người phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

8. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 333 Bộ Luật tố tụng hình sự; Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND tỉnh Long An;*
- *Sở tư pháp tỉnh Long An*
- *VKSND huyện Tân Thạnh;*
- *Công an huyện Tân Thạnh;*
- *Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;*
- *Bị cáo; Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ*

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Ánh